

CÁC BỘ

**LIÊN BỘ ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC —
GIAO THÔNG VẬN TẢI — TÀI CHÍNH**

**QUYẾT ĐỊNH liên bộ số 1007-QĐ/LB
ngày 22-4-1967 ấn định khoản phụ
phí tạm thời (ngoài cước phí vận
chuyên) đối với hàng hóa vận
chuyên trong thời chiến.**

**CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC,
BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI,
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ nghị định số 170-CP ngày 26-11-1964
của Hội đồng Chính phủ ban hành các loại
giá cước vận tải hàng hóa;*

*Căn cứ quyết định số 149-TTg/TN ngày
5-8-1966 của Thủ tướng Chính phủ quy định
cho ngành giao thông vận tải được thu thêm
của chủ hàng, trong tình hình có chiến tranh
hiện nay, một khoản phụ phí tính ngoài giá
cước vận chuyên hàng hóa theo thể lệ hiện
hành, và giao cho Ủy ban Vật giá Nhà nước,
Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính quy định
cụ thể,*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ấn định khoản phụ phí tạm thời mà ngành giao thông vận tải được thu thêm của chủ hàng và tính ngoài giá cước vận chuyên theo thể lệ hiện hành đối với hàng hóa vận chuyên vào các tỉnh khu IV cũ (Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-bình, Vinh-linh) và từ khu IV cũ ra phía bắc như sau :

1. *Đối với than và gỗ* : hai xu (0đ02) một tấn/km, không phân biệt phương thức vận tải ;
2. *Đối với các loại hàng khác* :
 - Vận chuyên bằng đường sắt liên vận : tám xu (0đ08) một tấn/km ;
 - Vận chuyên suốt bằng ô tô : hai mươi phần trăm (20%) tính trên giá cước ô tô ;
 - Vận chuyên bằng đường biển và đường sông : ba xu (0đ03) một tấn/km.

Điều 2. — Việc thu khoản phụ phí tạm thời nói ở điều 1 trên đây thi hành từ ngày 15-8-1966.

Điều 3. — Trong trường hợp việc vận chuyên hàng hóa suốt vào khu IV cũ và từ khu IV cũ

ra phía bắc do các tổ chức vận tải không thuộc ngành giao thông vận tải đảm nhiệm, thì việc tính thêm khoản phụ phí tạm thời nói ở điều 1 cũng áp dụng thống nhất trong việc thanh toán giữa chủ hàng và bên vận tải kể từ ngày 1-7-1967.

Hà-nội, ngày 22 tháng 4 năm 1967

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Vật giá Nhà nước

Phó chủ nhiệm

LÊ TRUNG TOÀN

K.T. Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải

Thư trưởng

DƯƠNG BẠCH LIÊN

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thư trưởng

ĐÀO THIÊN THI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

**THÔNG TƯ số 03-PC ngày 22-5-1967
hướng dẫn cách vận dụng nguyên
tắc trả trước tiền cước vận tải trong
thời chiến.**

Nguyên tắc trả trước tiền cước vận tải là nguyên tắc bảo đảm chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc này đã được quy định trong các điều lệ vận chuyên hàng hóa bằng ô tô, bằng đường sông, đường biển của Hội đồng Chính phủ. Các cơ quan vận tải cũng như cơ quan chủ hàng đều có nhiệm vụ nghiêm chỉnh chấp hành.

Trong tình hình có chiến tranh, khác với hoàn cảnh hòa bình xây dựng, chúng ta thường phải khẩn trương sơ tán, phân tán xí nghiệp, kho tàng, bến bãi, cơ quan, hoặc phải vận chuyên khẩn cấp để cứu đê, chống lụt, chống hạn ; chống địch hoặc phục vụ nhiệm vụ an ninh quốc phòng, v.v....

Do đó, để cho phù hợp với hoàn cảnh thời chiến hiện nay, nguyên tắc trả trước tiền cước cần vận dụng cho linh hoạt, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chủ hàng và vận tải kịp thời bảo đảm kế hoạch vận chuyên trong những trường hợp đột xuất có tính chất khẩn cấp, không lường trước được và không chuẩn bị kịp cước phí vận tải.

Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cách vận dụng nguyên tắc trả trước tiền cước phí vận tải trong hoàn cảnh có chiến tranh như sau :

1. Nguyên tắc thanh toán cước phí và phụ phí vận tải là thanh toán ngay trước từng chuyến, khi bên vận tải đã nhận xong hàng hóa và đã làm xong giấy vận chuyển. Nhưng trong những trường hợp đột xuất, cần vận chuyển ngay mà cơ quan chủ hàng chưa thể chuẩn bị kịp cước phí, thì cơ quan vận tải vẫn phải vận chuyển cho kịp thời và tiền cước sẽ được trả sau. Những trường hợp mà tiền cước sẽ được trả sau là những trường hợp đột xuất có tính chất khẩn cấp như phải giải tỏa các bến, bãi, kho tàng, cảng, ga, phải phân tán, sơ tán hàng hóa, người, tài sản và những trường hợp khẩn cấp phục vụ trực tiếp cho chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân khi có lệnh của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và của Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Khi vận chuyển, nhất thiết cơ quan vận tải phải lập giấy vận chuyển hàng hóa để làm cơ sở pháp lý cho việc thanh toán. Đối với những trường hợp cước phí và phụ phí vận tải thanh toán sau, cơ quan vận tải sẽ áp dụng hình thức thanh toán « Nhờ thu nhận trả không cần chấp nhận » theo thẻ lệ hiện hành của ngân hàng Nhà nước quy định.

3. Để đạt mục đích trên, cơ quan vận tải cũng như cơ quan chủ hàng phải đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần làm chủ, thực sự cộng tác chặt chẽ với nhau trên tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa để đảm bảo tốt nhiệm vụ vận chuyển chung, tránh tình trạng ý lại, hoặc gây xáo trộn công tác quản lý tài chính của Nhà nước, hoặc quá cứng nhắc, máy móc gây trở ngại cho việc vận chuyển hàng hóa, người, v.v., trong những trường hợp khẩn cấp.

4. Thông tư này áp dụng chung cho các ngành đường sắt, đường ô tô, đường sông, đường biển, Tổng cục đường sắt, các Cục vận tải đường bộ, đường sông, đường biển, các sở, ty giao thông vận tải có trách nhiệm thi hành thông tư này. Các Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức phổ biến và đôn đốc kiểm tra các cơ quan, xí nghiệp vận tải và cơ quan chủ hàng chấp hành đầy đủ thông tư này.

Hà-nội, ngày 22 tháng 5 năm 1967

K.T. Bộ trưởng

Bộ Giao thông vận tải

Thư trưởng

DƯƠNG BẠCH LIÊN

BỘ NỘI VỤ

THÔNG TƯ số 09-NV ngày 18-5-1967
hướng dẫn thi hành chính sách đối
với những người già cả, trẻ mồ côi
không nơi nương tựa và những
người tàn tật.

Kính gửi : Các Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngày 26-11-1966 Hội đồng Chính phủ đã ban hành thông tư số 202-CP về chính sách đối với những người già cả, trẻ mồ côi không nơi nương tựa và những người tàn tật. Sau khi trao đổi ý kiến với các Bộ Tài chính, Nông nghiệp, Nội thương, Y tế và Tổng cục Lương thực, Bộ Nội vụ ra thông tư hướng dẫn thi hành như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THI HÀNH CHÍNH SÁCH

1. Những người già cả, không có con, cháu và người ruột thịt để nương tựa hoặc có mà vì điều kiện đặc biệt không thể nương tựa được đời sống gặp khó khăn.

2. Những cháu mồ côi dưới 16 tuổi, không còn người ruột thịt săn sóc giúp đỡ.

3. Những người mù lòa, câm điếc, còng gù, què, cụt chân, tay, bại liệt, diên mãn tính, v.v., (trừ những người mắc bệnh ở thể lây).

Những đối tượng nói trên bao gồm cả nhân dân bị tai nạn chiến tranh mà mất nơi nương tựa hay trở thành tàn tật.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

A. Đối với những người già cả không nơi nương tựa.

1. Ở nông thôn :

Ủy ban hành chính cơ sở bàn bạc với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đánh cá, làm muối... để thu nhận họ vào hợp tác xã. Nếu họ có ruộng đất, trâu bò, dụng cụ sản xuất thì vận động họ giao cho hợp tác xã quản lý, kinh doanh. Hợp tác xã có trách nhiệm tạo mọi điều kiện bảo đảm đời sống trước mắt và lâu dài cho họ.

Đối với những người còn sức lao động, Ủy ban hành chính cơ sở và các hợp tác xã sắp xếp cho họ làm những công việc thích hợp với sức khỏe như trồng cây, ươm cây, chăn nuôi, đan